

BẢN TIN PHÁP LÝ

Tháng 12. 2025

**5 chính sách thuế và kế toán nổi bật
tháng 12/2025**



Bản tin này tóm tắt và tổng hợp các thông tin nổi bật. Áp dụng trường hợp cụ thể cần đọc toàn văn bản pháp luật hoặc tham khảo sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của VTAC

Nội dung chính



1. Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 – Siết chặt quản lý, tăng trách nhiệm tuân thủ của người nộp thuế



2. Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp



3. Nghị định 359/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 181/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng



4. Những điểm mới quan trọng của Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025



5. Hướng dẫn kê khai thuế đối với ưu đãi theo Nghị quyết 98/2023/QH15 – vướng mắc về mẫu biểu thuế

Nội dung 1: Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 – Siết chặt quản lý, tăng trách nhiệm tuân thủ của người nộp thuế



Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 được Quốc hội thông qua nhằm hoàn thiện khung pháp lý về quản lý thuế theo hướng hiện đại, minh bạch và dựa trên quản lý rủi ro. Một số điểm mới nổi bật gồm:

1. Chỉ rõ đối tượng nộp thuế – Bổ sung tổ chức, cá nhân nước ngoài:

Trước đây, **khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế 2019** quy định chung về người nộp thuế như sau:

“1. Người nộp thuế bao gồm:

- a) Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;*
- b) Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước;*
- c) Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế.”*

➔ Quy định này chưa làm rõ trách nhiệm thuế của tổ chức, cá nhân nước ngoài, đặc biệt trong bối cảnh kinh doanh xuyên biên giới, thương mại điện tử và nền tảng số phát triển mạnh.

Nội dung 1: Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 – Siết chặt quản lý, tăng trách nhiệm tuân thủ của người nộp thuế



1. Chỉ rõ đối tượng nộp thuế – Bổ sung tổ chức, cá nhân nước ngoài:

Tại **khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế 2025**, phạm vi người nộp thuế đã được mở rộng và quy định cụ thể hơn, bao gồm cả tổ chức, cá nhân nước ngoài:

“1. Người nộp thuế bao gồm:

- a) Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân, cá nhân kinh doanh là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;
- b) Tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;
- c) Tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;
- d) Tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân, cá nhân kinh doanh nộp các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;
- đ) Tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ, nộp thay số thuế đã khấu trừ theo quy định của pháp luật.”

Điểm mới: Luật đã chính thức ghi nhận trách nhiệm nộp thuế của chủ thể nước ngoài, đặc biệt là các mô hình kinh doanh số, tạo cơ sở pháp lý để cơ quan thuế quản lý thuế xuyên biên giới hiệu quả hơn.

Nội dung 1: Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 – Siết chặt quản lý, tăng trách nhiệm tuân thủ của người nộp thuế



2. Bổ sung quy định phân nhóm người nộp thuế trong quản lý thuế

- ▶ Đây là quy định hoàn toàn mới, được bổ sung tại Điều 3 Luật Quản lý thuế 2025. Theo đó, cơ quan thuế thực hiện phân nhóm người nộp thuế theo các tiêu chí nhất định nhằm:
 - Xác định chế độ ưu tiên trong quản lý thuế, phân bổ nguồn lực quản lý;
 - Áp dụng biện pháp quản lý, giám sát nghĩa vụ thuế phù hợp với từng nhóm người nộp thuế;
 - Áp dụng phương pháp phân tích, đánh giá rủi ro thuế, mức độ tuân thủ và lịch sử tuân thủ pháp luật về thuế.
 - ▶ Tiêu chí phân nhóm người nộp thuế bao gồm:
 - Ngành nghề, lĩnh vực, đặc thù và phương thức hoạt động;
 - Loại hình pháp lý, cơ cấu sở hữu;
 - Quy mô hoạt động, quy mô doanh thu, số nộp ngân sách;
 - Mức độ tuân thủ và lịch sử tuân thủ pháp luật về thuế.
- ➡ **Doanh nghiệp có lịch sử tuân thủ tốt sẽ được ưu tiên, trong khi các doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao sẽ dễ bị đưa vào diện giám sát, kiểm tra, thanh tra thuế.**

Nội dung 1: Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 – Siết chặt quản lý, tăng trách nhiệm tuân thủ của người nộp thuế



3. Bổ sung các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế

So với **Luật Quản lý thuế 2019**, **Điều 8 Luật Quản lý thuế 2025** đã mở rộng và cụ thể hóa các hành vi bị nghiêm cấm, bao gồm:

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tiết lộ, làm rò rỉ thông tin người nộp thuế trái quy định;
- Làm sai lệch kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về thuế;
- Chống đối, trì hoãn hoặc không cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát thuế;
- Tạo lập hóa đơn, chứng từ điện tử trái phép hoặc phục vụ hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý thuế;
- Làm sai lệch, sử dụng sai mục đích, truy cập trái phép, phá hủy hệ thống thông tin người nộp thuế;
- Cung cấp, phát tán thông tin sai lệch gây ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan quản lý thuế hoặc người nộp thuế.

Lưu ý: Luật nhấn mạnh trách nhiệm bảo mật thông tin và an toàn hệ thống dữ liệu thuế, phù hợp với xu hướng quản lý thuế điện tử.

Nội dung 1: Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 – Siết chặt quản lý, tăng trách nhiệm tuân thủ của người nộp thuế



4. Giảm thời hạn khai bổ sung hồ sơ khai thuế

Theo **khoản 5 Điều 12 Luật Quản lý thuế 2025**, người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót, với điều kiện:

- Thực hiện trước khi cơ quan thuế công bố quyết định thanh tra, kiểm tra;
- Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ thanh tra, kiểm tra;
- Không thuộc trường hợp cơ quan điều tra yêu cầu không được khai bổ sung.

Trong khi đó, **Luật Quản lý thuế 2019** cho phép khai bổ sung trong thời hạn 10 năm.

5. Hộ, cá nhân kinh doanh tự xác định doanh thu để tính thuế

Trước đây, theo **Điều 51 Luật Quản lý thuế 2019**, cơ quan thuế xác định mức thuế khoán đối với hộ, cá nhân kinh doanh.

Theo **Điều 13 Luật Quản lý thuế 2025**:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- Tự khai thuế, tính thuế theo từng sắc thuế và kỳ tính thuế;
- Cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu quản lý thuế để hỗ trợ, đối chiếu và giám sát.

➔ **Chuyển từ cơ chế “khoán” sang tự khai – tự chịu trách nhiệm, tiệm cận phương thức quản lý thuế đối với doanh nghiệp.**

Nội dung 1: Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 – Siết chặt quản lý, tăng trách nhiệm tuân thủ của người nộp thuế



6. Bổ sung quy định về khai thuế thương mại điện tử của hộ, cá nhân kinh doanh

Luật Quản lý thuế 2025 đã bổ sung quy định riêng đối với hộ, cá nhân kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử:

Trường hợp nền tảng có chức năng đặt hàng và thanh toán:

=> Chủ quản nền tảng (trong nước hoặc nước ngoài) có trách nhiệm khấu trừ, kê khai và nộp thay thuế cho hộ, cá nhân kinh doanh;

Trường hợp nền tảng không có chức năng đặt hàng và thanh toán:

=> Hộ, cá nhân kinh doanh tự khai, tự nộp thuế theo quy định.



Trách nhiệm thu thuế được đẩy về phía nền tảng, tăng khả năng kiểm soát hoạt động kinh doanh số.

Nội dung 1: Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 – Siết chặt quản lý, tăng trách nhiệm tuân thủ của người nộp thuế



7. Bổ sung cơ chế hoàn thuế, miễn, giảm thuế tự động

Một trong những điểm mới đáng chú ý của **Luật Quản lý thuế 2025** là việc lần đầu tiên ghi nhận cơ chế hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế tự động.

Theo **Điều 18 và Điều 19 Luật Quản lý thuế 2025**, cơ quan thuế:

- Thực hiện hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế theo cơ chế tự động trên cơ sở:
 - + Cơ sở dữ liệu quản lý thuế;
 - + Tiêu chí quản lý rủi ro;
 - + Quy trình xử lý tự động.
- Bảo đảm an toàn thông tin trong toàn bộ quá trình xử lý;
- Triển khai hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế tự động theo từng giai đoạn, phù hợp với:
 - + Điều kiện thực tế;
 - + Hạ tầng kỹ thuật;
 - + Mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan thuế.

Nội dung 1: Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 – Siết chặt quản lý, tăng trách nhiệm tuân thủ của người nộp thuế



8. Xử lý các khoản nợ thuế phát sinh trước ngày 01/07/2026

Điều 53 Luật Quản lý thuế 2025 quy định rõ việc xử lý các khoản thuế phát sinh trước thời điểm Luật mới có hiệu lực:

- Các khoản được miễn, giảm, không thu theo quy định của pháp luật tương ứng từng thời kỳ, phát sinh trước ngày 01/07/2026, thì tiếp tục xử lý theo quy định của **Luật Quản lý thuế 2019**;
- Các khoản tiền thuế còn nợ đến hết ngày 30/06/2026 thì được xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế 2025, kể từ thời điểm Luật mới có hiệu lực.

Căn cứ pháp lý: Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Người nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp

•▶ Làm rõ đối tượng nộp thuế trong trường hợp nộp thuế thay

Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam (bao gồm):

- Tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử;
- Tổ chức quản lý nền tảng số;

➔ Là người nộp thuế trong trường hợp nộp thuế thay cho doanh nghiệp nước ngoài khi phát sinh các hoạt động sau:

- Mua dịch vụ từ doanh nghiệp nước ngoài (kể cả dịch vụ gắn với hàng hóa);
- Mua hàng hóa được cung cấp, phân phối theo: Hình thức xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ; Các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms);
- Kinh doanh thương mại điện tử;



Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Người nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp

•▶ Làm rõ khái niệm “cơ sở thường trú” của doanh nghiệp nước ngoài

Cơ sở thường trú là cơ sở mà thông qua đó doanh nghiệp nước ngoài thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, bao gồm:

- Chi nhánh, văn phòng điều hành;
- Nhà máy, công xưởng, phương tiện vận tải;
- Mỏ dầu, mỏ khí, mỏ hoặc địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên;
- Địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp;
- Cơ sở cung cấp dịch vụ (kể cả dịch vụ tư vấn);
- Đại lý cho doanh nghiệp nước ngoài;
- Đại diện tại Việt Nam có thẩm quyền ký kết hợp đồng hoặc không có thẩm quyền ký kết nhưng thường xuyên giao hàng, cung ứng dịch vụ;
- Nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số thông qua đó doanh nghiệp nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

2. Về xác định lỗ và chuyển lỗ

•▶ Làm rõ khái niệm lỗ trong kỳ tính thuế:

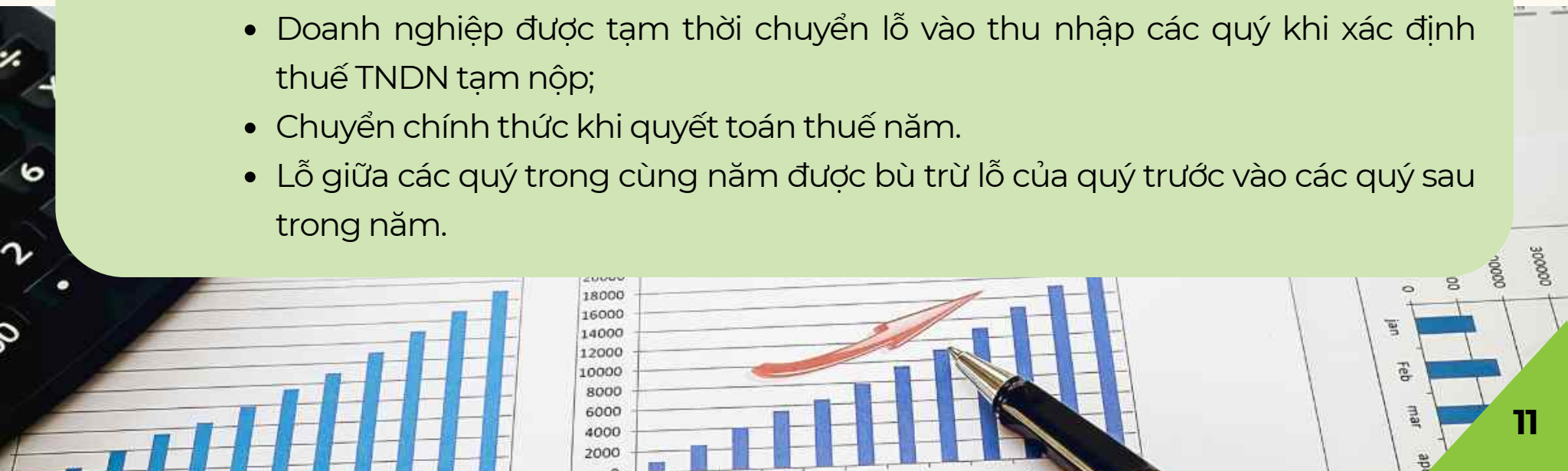
Lỗ phát sinh trong kỳ là: Chênh lệch âm của thu nhập tính thuế chưa bao gồm lỗ các năm trước chuyển sang.

•▶ Nguyên tắc chuyển lỗ:

Doanh nghiệp bị lỗ sau quyết toán thuế: Được chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ. Thời gian chuyển lỗ không quá 05 năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ.

•▶ Chuyển lỗ trong năm và giữa các năm:

- Doanh nghiệp được tạm thời chuyển lỗ vào thu nhập các quý khi xác định thuế TNDN tạm nộp;
- Chuyển chính thức khi quyết toán thuế năm.
- Lỗ giữa các quý trong cùng năm được bù trừ lỗ của quý trước vào các quý sau trong năm.



Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

2. Về xác định lỗ và chuyển lỗ

•▶ Xử lý khi phát sinh lỗ mới trong thời gian chuyển lỗ:

Trường hợp tiếp tục phát sinh lỗ:

- Lỗ mới được chuyển riêng;
- Thời gian chuyển lỗ của từng khoản lỗ tính độc lập, tối đa 05 năm.

Trường hợp cơ quan thuế kiểm tra, thanh tra:

- Số lỗ được chuyển theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền;
- Nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc không quá 05 năm.

➡ Quá thời hạn 05 năm: Phần lỗ chưa chuyển hết không được tiếp tục chuyển.

•▶ Chuyển lỗ trong trường hợp đặc thù:

Lỗ từ chuyển nhượng dự án thăm dò, khai thác khoáng sản; Chuyển nhượng quyền tham gia dự án khoáng sản;

➡ Chỉ được chuyển lỗ trong cùng hoạt động, tối đa 05 năm.

Doanh nghiệp chuyển đổi loại hình, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách:

- Số lỗ được theo dõi theo năm phát sinh;
- Được tiếp tục chuyển lỗ theo nguyên tắc liên tục;
- Lỗ trước khi chia, tách được phân bổ theo tỷ lệ vốn chủ sở hữu.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

3. Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

a) Chi phí thực tế phát sinh, liên quan đến hoạt động SXKD

Là khoản chi phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Bao gồm chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) được trừ bổ sung theo tỷ lệ quy định.

Đối với chi phí R&D:

- Được tính vào chi phí được trừ tối đa 200% chi phí thực tế phát sinh trong kỳ;
- Không bao gồm các khoản chi không được trừ theo khoản 3 Điều 10;
- Sau khi áp dụng mức 200%, doanh nghiệp không bị lỗ; Việc xác định chi phí R&D thực hiện theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.



Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

3. Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

b) Có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp

Chi phí phải có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp đặc thù được chấp nhận chứng từ chi trả + bảng kê, gồm:

- Mua nông, lâm, thủy sản của người sản xuất trực tiếp;
- Mua sản phẩm thủ công (đay, cói, tre, nứa, mây, rơm...); Mua phế liệu của người trực tiếp thu nhặt;
- Mua tài sản, đồ dùng của hộ gia đình, cá nhân;
- Mua hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, hộ kinh doanh có doanh thu dưới ngưỡng chịu thuế GTGT.

➔ Phải có Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ, do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền ký và chịu trách nhiệm.

Từ 05 triệu đồng/ngày/hộ, cá nhân trở lên: bắt buộc thanh toán không dùng tiền mặt.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

3. Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

c) Điều kiện để chi phí được trừ

Áp dụng với mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác; Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo pháp luật về thuế GTGT.

Các trường hợp cụ thể:

- Mua nhiều lần trong cùng một ngày: Mỗi lần dưới 05 triệu nhưng tổng từ 05 triệu trở lên bắt buộc thanh toán không dùng tiền mặt.
- Người lao động mua hộ được trừ nếu có:
 - + Hóa đơn, chứng từ hợp pháp;
 - + Quy chế tài chính/quy chế nội bộ/quyết định ủy quyền;
 - + Người lao động thanh toán không dùng tiền mặt;
 - + Doanh nghiệp hoàn trả lại khoản chi.



Khi thanh toán, nếu thanh toán bằng tiền mặt thì phải điều chỉnh giảm chi phí tại kỳ phát sinh thanh toán (kể cả đã thanh tra, kiểm tra).

Chưa thanh toán tại thời điểm ghi nhận chi phí: Vẫn được trừ.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

4. Thuế suất thuế TNDN

•▶ Làm rõ cách xác định “tổng doanh thu” để áp dụng thuế suất 15% – 17%

Tổng doanh thu làm căn cứ xác định thuế suất gồm:

- Doanh thu bán hàng;
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;
- Doanh thu hoạt động tài chính;
- Thu nhập khác;

Không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu.

Căn cứ xác định:

- Phụ lục kết quả hoạt động SXKD;
- Kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN của năm trước liền kề.

•▶ Trường hợp doanh nghiệp hoạt động chưa đủ 12 tháng

Doanh nghiệp có kỳ tính thuế năm trước hoạt động dưới 12 tháng:

Tổng doanh thu năm = Doanh thu thực tế / số tháng hoạt động × 12 tháng

Áp dụng cho:

- Doanh nghiệp mới thành lập;
- Doanh nghiệp chuyển đổi loại hình;
- Doanh nghiệp hợp nhất, sáp nhập, chia, tách.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

4. Thuế suất thuế TNDN

•▶ Doanh nghiệp mới thành lập – cơ chế tạm áp dụng thuế suất thấp

Doanh nghiệp mới thành lập, dự kiến tổng doanh thu năm:

- Không quá 03 tỷ đồng => tạm áp dụng 15%;
- Không quá 50 tỷ đồng => tạm áp dụng 17%.

Khi quyết toán năm:

- Nếu doanh thu thực tế phù hợp dự kiến → quyết toán bình thường;
- Nếu doanh thu thực tế không đạt điều kiện:

→ Phải nộp bổ sung phần thuế thiếu;
→ Nộp tiền chậm nộp theo quy định.



Doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất ưu đãi.


Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

5. Bù trừ lãi lỗ

- Doanh nghiệp có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế:



Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là tổng thu nhập của tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Trường hợp doanh nghiệp bị lỗ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được bù trừ số lỗ vào thu nhập chịu thuế của các hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập;
 - Doanh nghiệp tự lựa chọn hoạt động bù trừ.
-  Không áp dụng bù trừ đối với các trường hợp quy định riêng tại **khoản 3** và **khoản 4 Điều này**.



Thu nhập chịu thuế còn lại sau khi bù trừ: Áp dụng mức thuế suất thuế TNDN của hoạt động sản xuất, kinh doanh còn thu nhập.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

5. Bù trừ lãi lỗ

- Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư bị lỗ thì không bù trừ với thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế có thu nhập.
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế, không được bù trừ lỗ, lãi với hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế.

6. Ưu đãi thuế TNDN

•▶ Ngành nghề ưu đãi:

Nghị định 320 làm rõ các ngành nghề ưu đãi cụ thể hơn so với Luật thuế TNDN, bao gồm các lĩnh vực đáp ứng mục tiêu khuyến khích đầu tư, phát triển khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển bền vững và các lĩnh vực ưu tiên khác theo chính sách của Nhà nước.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

6. Ưu đãi thuế TNDN

•▶ Địa bàn ưu đãi:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại số thứ tự 55 Phụ lục III Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo **Nghị định số 31/2021/NĐ-CP**, đã được sửa đổi, bổ sung bởi **khoản 37 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP**;
- Địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn quy định tại **số thứ tự 55 Phụ lục III Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP**;
- Các khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung được thành lập theo quy định của pháp luật.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

6. Ưu đãi thuế TNDN

•▶ Địa bàn ưu đãi:

- Địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại số thứ tự 55 Phụ lục III Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo **Nghị định số 31/2021/NĐ-CP**, đã được sửa đổi, bổ sung bởi **khoản 37 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP**;
- Địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn quy định tại **số thứ tự 55 Phụ lục III Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP**;
- Các khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung được thành lập theo quy định của pháp luật.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

7. Miễn thuế, giảm thuế TNDN

Miễn thuế tối đa 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 09 năm tiếp theo đối với:

- Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại **khoản 1 Điều 13 Luật Thuế TNDN**;
- Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại **điểm r khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN** thuộc địa bàn ưu đãi theo **điểm a, b khoản 3 Điều 12 Luật Thuế TNDN**.

Trường hợp không thuộc địa bàn ưu đãi: miễn thuế tối đa 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 05 năm tiếp theo.

Miễn thuế tối đa 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp quy định tại **khoản 4 Điều 13 Luật Thuế TNDN**.

•▶ Kéo dài thời gian ưu đãi

Đối với dự án đầu tư mới đặc biệt quan trọng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN, Thủ tướng Chính phủ quyết định kéo dài thời gian miễn thuế, giảm thuế, tối đa không quá 1,5 lần thời gian ưu đãi thông thường.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

7. Miễn thuế, giảm thuế TNDN

Miễn thuế tối đa 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 09 năm tiếp theo đối với:

- Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại **khoản 1 Điều 13 Luật Thuế TNDN**;
- Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại **điểm r khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN** thuộc địa bàn ưu đãi theo **điểm a, b khoản 3 Điều 12 Luật Thuế TNDN**.

Trường hợp không thuộc địa bàn ưu đãi: miễn thuế tối đa 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 05 năm tiếp theo.

Miễn thuế tối đa 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp quy định tại **khoản 4 Điều 13 Luật Thuế TNDN**.

•▶ Kéo dài thời gian ưu đãi

Đối với dự án đầu tư mới đặc biệt quan trọng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 12 Luật Thuế TNDN, Thủ tướng Chính phủ quyết định kéo dài thời gian miễn thuế, giảm thuế, tối đa không quá 1,5 lần thời gian ưu đãi thông thường.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

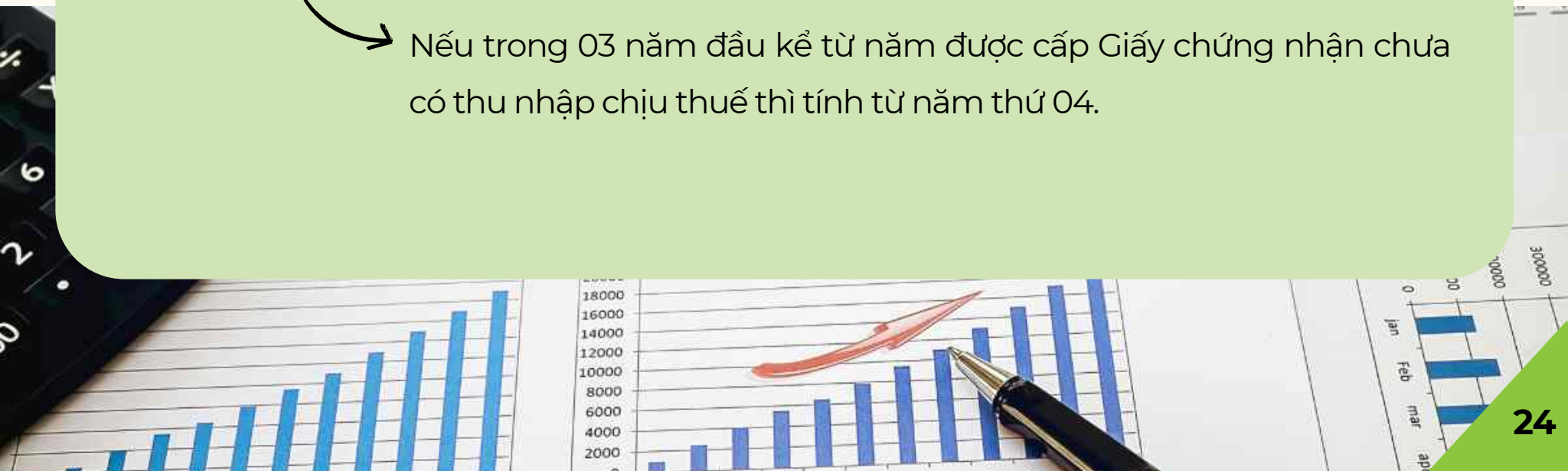
7. Miễn thuế, giảm thuế TNDN

•▶ Thời điểm xác định thời gian miễn thuế, giảm thuế

- Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư.
- Trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu kể từ năm có doanh thu, thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 04.
- Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi sau thời điểm phát sinh thu nhập, thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính:

→ Từ năm được cấp Giấy chứng nhận;

→ Nếu trong 03 năm đầu kể từ năm được cấp Giấy chứng nhận chưa có thu nhập chịu thuế thì tính từ năm thứ 04.



Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

7. Miễn thuế, giảm thuế TNDN

•▶ Ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư mở rộng

Phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian ưu đãi còn lại.

Trường hợp dự án đang hoạt động đã hết thời gian ưu đãi, thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng:

- Được miễn thuế, giảm thuế theo dự án đầu tư mới cùng ngành, nghề, địa bàn;
- Không được hưởng ưu đãi về thuế suất;
- Phải hạch toán riêng; nếu không hạch toán riêng được thì xác định theo tỷ lệ nguyên giá TSCĐ đầu tư mới.



Không áp dụng ưu đãi đối với đầu tư mở rộng do sáp nhập, mua lại doanh nghiệp hoặc dự án đang hoạt động.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

7. Miễn thuế, giảm thuế TNDN

▶ Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ

- Áp dụng đối với doanh nghiệp sản xuất, xây dựng, vận tải (trừ đơn vị sự nghiệp, văn phòng thuộc tập đoàn, tổng công ty không trực tiếp SXKD).
- Điều kiện về số lượng lao động nữ:

→ Từ 10–100 lao động nữ, chiếm trên 50% tổng lao động thường xuyên;
hoặc
→ Trên 100 lao động nữ, chiếm trên 30% tổng lao động thường xuyên.

Mức giảm thuế TNDN: bằng số chi thêm cho lao động nữ, bao gồm:

- Chi đào tạo lại nghề;
- Chi tiền lương, phụ cấp cho giáo viên nhà trẻ, mẫu giáo do doanh nghiệp tổ chức;
- Chi khám sức khỏe thêm trong năm;
- Chi bồi dưỡng sau sinh theo quy định;

Tiền lương, phụ cấp trả trong thời gian nghỉ sau sinh, nghỉ cho con bú nhưng vẫn làm việc.
Điều kiện: có hóa đơn, chứng từ hợp pháp và thanh toán không dùng tiền mặt.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

7. Miễn thuế, giảm thuế TNDN

•▶ Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số

Mức giảm thuế TNDN: bằng số chi thêm cho lao động là người dân tộc thiểu số, gồm:

- Chi đào tạo nghề;
- Hỗ trợ nhà ở;
- Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (trường hợp chưa được Nhà nước hỗ trợ).



Điều kiện: có hóa đơn, chứng từ hợp pháp và thanh toán không dùng tiền mặt.

•▶ Thu nhập từ chuyển giao công nghệ, dịch vụ sự nghiệp công

- Giảm 50% số thuế TNDN đối với:

→ Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao;
→ Thu nhập từ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

- Áp dụng khi bên nhận chuyển giao hoặc cung cấp dịch vụ nằm tại địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn.
- Địa bàn khó khăn xác định theo **điểm b khoản 3 Điều 18 Nghị định 320.**

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

7. Miễn thuế, giảm thuế TNDN

•▶ Doanh nghiệp thành lập mới từ hộ kinh doanh

- Miễn thuế TNDN trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế.
- Đối tượng áp dụng: Doanh nghiệp thành lập mới từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp.
- Xác định thời gian miễn thuế:
 - + Tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế;
 - + Nếu 03 năm đầu chưa có thu nhập, tính từ năm thứ 04.
- Trường hợp kỳ tính thuế đầu tiên dưới 12 tháng: Doanh nghiệp được lựa chọn miễn thuế ngay hoặc đăng ký miễn thuế từ kỳ tiếp theo.
- Sau thời gian miễn thuế: Nếu có dự án thuộc ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thì tiếp tục hưởng ưu đãi theo Điều 19, Điều 20 Nghị định 320.
- Không áp dụng đối với: Doanh nghiệp thành lập mới nhưng người đại diện theo pháp luật, thành viên hợp danh hoặc người góp vốn lớn nhất đã tham gia doanh nghiệp khác chưa đủ 12 tháng.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

7. Miễn thuế, giảm thuế TNDN

•▶ Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập

Miễn thuế TNDN đối với:

- Tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận:
 - Thu nhập từ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ;
 - Thu nhập từ cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- Cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận:
 - Thu nhập theo quy định tại **Điều 64 Luật Giáo dục đại học**.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

8. Hiệu lực thi hành

- ▶ **Nghị định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng từ kỳ tính thuế TNDN năm 2025.**

Lưu ý riêng về thời điểm áp dụng:

- Quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (điểm c khoản 1 Điều 9);
- Quy định về chuyển nhượng vốn (điểm i khoản 3 Điều 12);

=> áp dụng từ ngày Nghị định 320 có hiệu lực thi hành (Ngày 15/12/2025)

- ▶ **Nghị định 320/2025/NĐ-CP thay thế toàn bộ các Nghị định sau:**

- Nghị định 218/2013/NĐ-CP;
- Nghị định 91/2014/NĐ-CP;
- Nghị định 12/2015/NĐ-CP;
- Nghị định 57/2021/NĐ-CP (về ưu đãi thuế TNDN đối với sản phẩm công nghiệp hỗ trợ).

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

9. Điều khoản chuyển tiếp

•▶ Dự án đầu tư mới đang hưởng ưu đãi trước Luật mới

- Dự án đầu tư mới trước ngày Luật Thuế TNDN có hiệu lực đang hưởng ưu đãi; hoặc chưa được hưởng ưu đãi theo quy định cũ:
 - ➡ Tiếp tục hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại theo quy định tại thời điểm:
 - + Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; hoặc
 - + Chấp thuận chủ trương đầu tư; hoặc
 - + Cho phép đầu tư.
- Nếu mức ưu đãi theo Nghị định 320 cao hơn:
 - ➡ Được chuyển sang áp dụng ưu đãi theo Nghị định 320 cho thời gian còn lại. Thời gian còn lại được tính từ kỳ tính thuế năm 2025.

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

9. Điều khoản chuyển tiếp

•▶ Dự án đầu tư mở rộng trước Luật mới

Dự án đầu tư mở rộng được cấp/điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Hoặc được chấp thuận chủ trương đầu tư; Hoặc được phép đầu tư trước ngày Luật Thuế TNDN có hiệu lực

- Đang hưởng ưu đãi hoặc chưa được hưởng ưu đãi: Tiếp tục hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại theo quy định tại thời điểm được cấp phép.
- Trường hợp mức ưu đãi tại Nghị định 320 cao hơn: Được chuyển sang áp dụng ưu đãi theo Nghị định 320 cho thời gian còn lại. Thời gian còn lại tính từ kỳ tính thuế năm 2025.

•▶ Khoản thu nhập đang được ưu đãi theo quy định cũ

Khoản thu nhập được hưởng ưu đãi theo pháp luật thuế TNDN trước ngày Luật mới có hiệu lực không thuộc diện ưu đãi theo Luật Thuế TNDN 2025.

▶ Không tiếp tục được hưởng ưu đãi kể từ ngày Luật có hiệu lực

Nội dung 2: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

9. Điều khoản chuyển tiếp

•▶ Chuyển lỗ phát sinh trước Nghị định 320

Số lỗ phát sinh trước thời điểm Nghị định 320 có hiệu lực:

- Bao gồm cả lỗ từ chuyển nhượng bất động sản, dự án đầu tư, quyền tham gia dự án;
- Nếu còn trong thời hạn chuyển lỗ

➡ Được tiếp tục chuyển lỗ cho thời gian còn lại theo Nghị định 320.

Không được bù trừ:

- Lỗ từ chuyển nhượng bất động sản, dự án đầu tư;
- Vào lãi của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế.

Căn cứ pháp lý: Nghị định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nội dung 3: Nghị định 359/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 181/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng

1. Bổ sung quy định về thuế GTGT đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản chưa chế biến ở khâu thương mại

- ▶ Một trong những điểm sửa đổi quan trọng nhất của Nghị định 359/2025/NĐ-CP là việc bổ sung khoản 1b vào Điều 4 Nghị định 181/2025/NĐ-CP, làm rõ chính sách thuế GTGT đối với sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường.
- ▶ Theo quy định mới, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua các sản phẩm nêu trên và bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác thì:
 - Không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT;
 - Được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.



Quy định này đã làm rõ cơ chế “không phải kê khai, tính nộp thuế nhưng vẫn được khấu trừ đầu vào”, khắc phục tình trạng vướng mắc trong thực tiễn áp dụng trước đây, đặc biệt đối với các doanh nghiệp thương mại nông sản.

Nội dung 3: Nghị định 359/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 181/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng

2. Phân biệt nghĩa vụ thuế GTGT theo đối tượng mua bán

- ▶ **Nghị định 359** đã phân loại rõ nghĩa vụ thuế GTGT theo từng đối tượng mua bán, tránh áp dụng nhầm thuế suất, cụ thể:

a) Bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp thuế theo phương pháp khấu trừ bán các sản phẩm nêu trên cho doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác ở khâu thương mại:

➡ **Không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.**

b) Bán cho hộ, cá nhân kinh doanh và các đối tượng khác

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp thuế theo phương pháp khấu trừ bán các sản phẩm nêu trên cho:

- Hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh;
- Các tổ chức, cá nhân khác;

➡ **Thì phải tính thuế GTGT với thuế suất 5% theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định 181/2025/NĐ-CP.**

Nội dung 3: Nghị định 359/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 181/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng

2. Phân biệt nghĩa vụ thuế GTGT theo đối tượng mua bán

c) Quy định thuế GTGT đối với cơ sở nộp thuế theo phương pháp trực tiếp

Đối với hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, khi bán các sản phẩm nêu trên ở khâu thương mại:

$$\text{Thuế GTGT phải nộp} = 1\% \times \text{doanh thu}$$

3. Bãi bỏ một số quy định không còn phù hợp

Nghị định 359/2025/NĐ-CP bãi bỏ:

- Khoản 3 Điều 37;
- Khoản 3 Điều 39 của Nghị định 181/2025/NĐ-CP.

Nội dung 3: Nghị định 359/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 181/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng

4. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp về hoàn thuế

- ▶ Nghị định 359/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày **01/01/2026**.
- ▶ Đối với hồ sơ hoàn thuế GTGT đã nộp trước ngày 01/01/2026 và đã được cơ quan thuế tiếp nhận nhưng chưa ban hành Quyết định hoàn thuế; hoặc chưa ban hành Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu NSNN, thì không phải đáp ứng điều kiện người bán đã kê khai, nộp thuế GTGT đối với hóa đơn xuất cho cơ sở kinh doanh để nghị hoàn thuế.

Căn cứ pháp lý: Nghị định số 359/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng

Nội dung 4: Những điểm mới quan trọng của Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

1. Bổ sung nhiều loại thu nhập chịu thuế mới, phù hợp với kinh tế số và thị trường tài sản mới

Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025 đã mở rộng đáng kể phạm vi thu nhập chịu thuế, phản ánh xu hướng phát triển của nền kinh tế số và thị trường tài sản phi truyền thống.

Theo Điều 3 Luật Thuế TNCN 2025, ngoài các nhóm thu nhập truyền thống, thu nhập chịu thuế được bổ sung bao gồm:

- ▶ Thu nhập từ hoạt động đại lý, môi giới, hợp tác kinh doanh với tổ chức;
- ▶ Thu nhập từ kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số;
- ▶ Tiền thù lao, lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức;
- ▶ Nhóm thu nhập khác lần đầu được luật hóa, trong đó đáng chú ý:
 - Thu nhập từ chuyển nhượng tên miền “.vn”;
 - Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số;
 - Thu nhập từ chuyển nhượng vàng miếng;
 - Thu nhập từ tín chỉ các-bon, kết quả giảm phát thải khí nhà kính;
 - Thu nhập từ chuyển nhượng biển số xe trùng dấu giá.



Đối với chuyển nhượng vàng miếng, Luật giao Chính phủ quy định ngưỡng chịu thuế, thời điểm thu và điều chỉnh thuế suất, gắn với lộ trình quản lý thị trường vàng – đây là nội dung hoàn toàn mới so với Luật hiện hành.

Nội dung 4: Những điểm mới quan trọng của Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

2. Mở rộng và luật hóa các khoản thu nhập được miễn, giảm thuế

Luật Thuế TNCN 2025 đã nâng tầm nhiều chính sách miễn, giảm thuế từ cấp Thông tư lên cấp Luật, tạo cơ sở pháp lý ổn định hơn cho người nộp thuế.



Một số nhóm thu nhập được miễn thuế đáng chú ý:

- Thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã nông nghiệp, nông dân tham gia mô hình “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản;
- Thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia nước ngoài làm việc cho:
 - Chương trình, dự án ODA không hoàn lại;
 - Tổ chức phi chính phủ nước ngoài;
 - Cơ quan thuộc Hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam;
 - Lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.
- Ngoài ra, Luật còn bổ sung các ưu đãi thuế có thời hạn, tiêu biểu:
 - Miễn thuế TNCN 05 năm đối với:
 - Nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao;
 - Nhân lực công nghệ cao, công nghệ chiến lược (AI, chip bán dẫn, R&D...);
 - Miễn thuế đối với chuyển nhượng chứng chỉ quỹ mở nắm giữ từ 02 năm trở lên;
 - Giảm 50% thuế TNCN đối với lợi tức chia từ quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư bất động sản trong thời hạn do Chính phủ quy định.

Nội dung 4: Những điểm mới quan trọng của Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

3. Cải cách căn bản thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh

Luật Thuế TNCN 2025 thay đổi toàn diện cách tính thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh, áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026.



3.1. Nâng mạnh ngưỡng doanh thu không chịu thuế

- Cá nhân kinh doanh có doanh thu ≤ 500 triệu đồng/năm: không phải nộp thuế TNCN.
Mức này tăng gấp 5 lần so với ngưỡng 100 triệu đồng/năm trước đây.

3.2. Cho phép trừ chi phí – tiệm cận cách tính thuế doanh nghiệp

- Cá nhân có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm được:

Xác định thu nhập tính thuế = doanh thu – chi phí hợp lý

- Thuế suất áp dụng:
 - 15%: doanh thu trên 500 triệu đến 3 tỷ đồng;
 - 17%: trên 3 tỷ đến 50 tỷ đồng;
 - 20%: trên 50 tỷ đồng.

3.3. Cho phép lựa chọn nộp thuế theo doanh thu

- Cá nhân có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm được:
 - Tính thuế theo thu nhập (doanh thu – chi phí); hoặc
 - Tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu vượt 500 triệu (0,5% – 5% tùy ngành).

Nội dung 4: Những điểm mới quan trọng của Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

3. Cải cách căn bản thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh

Luật Thuế TNCN 2025 thay đổi toàn diện cách tính thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh, áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026.

3.1. Nâng mạnh ngưỡng doanh thu không chịu thuế

- ▶ Cá nhân kinh doanh có doanh thu ≤ 500 triệu đồng/năm: không phải nộp thuế TNCN.
Mức này tăng gấp 5 lần so với ngưỡng 100 triệu đồng/năm trước đây.

3.2. Cho phép trừ chi phí – tiệm cận cách tính thuế doanh nghiệp

- ▶ Cá nhân có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm được:

Xác định thu nhập tính thuế = doanh thu – chi phí hợp lý

- ▶ Thuế suất áp dụng:
 - 15%: doanh thu trên 500 triệu đến 3 tỷ đồng;
 - 17%: trên 3 tỷ đến 50 tỷ đồng;
 - 20%: trên 50 tỷ đồng.

3.3. Cho phép lựa chọn nộp thuế theo doanh thu

- ▶ Cá nhân có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm được:
 - Tính thuế theo thu nhập (doanh thu – chi phí); hoặc
 - Tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu vượt 500 triệu (0,5% – 5% tùy ngành).

3.4. Thống nhất thuế suất cho thuê bất động sản

- ▶ Cá nhân cho thuê bất động sản (trừ lưu trú):

Thuế TNCN = 5% × doanh thu vượt 500 triệu đồng/năm



Nội dung 4: Những điểm mới quan trọng của Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025

4. Rút gọn Biểu thuế lũy tiến đối với tiền lương, tiền công

Luật Thuế TNCN 2025 giảm số bậc thuế từ 7 xuống còn 5 bậc, đồng thời giảm thuế suất ở các bậc trung bình:

Bậc	Thu nhập/tháng (triệu đồng)	Thuế suất
1	Đến 10	5%
2	Trên 10 – 30	10%
3	Trên 30 – 60	20%
4	Trên 60– 100	30%
5	Trên 100	35%



5. Thời điểm áp dụng

- Luật có hiệu lực từ 01/7/2026;
- Riêng các quy định liên quan đến thu nhập từ kinh doanh; Thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú => áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026.

Căn cứ pháp lý: Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025 – Luật số 109/2025/QH15

Nội dung 5: Hướng dẫn kê khai thuế đối với ưu đãi theo Nghị quyết 98/2023/QH15 – vướng mắc về mẫu biểu thuế

Ngày 28/11/2025, Cục Thuế ban hành Công văn số 5615/CT-CS trả lời Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về mẫu tờ khai thuế khi thực hiện ưu đãi thuế theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội.

► Nghị quyết 98/2023/QH15 quy định nhiều chính sách ưu đãi đặc thù về thuế nhằm hỗ trợ:

- Hoạt động đổi mới sáng tạo;
- Khởi nghiệp sáng tạo;
- Chuyển nhượng vốn, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực tế đã phát sinh vướng mắc về mẫu biểu kê khai thuế, đặc biệt đối với các khoản thu nhập được miễn thuế theo cơ chế đặc thù này.

1. Hướng dẫn kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Theo ý kiến của Cục Thuế tại Công văn 5615:

- Doanh nghiệp thuộc đối tượng được miễn thuế TNDN theo khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 98/2023/QH15 vẫn thực hiện:
 - Kê khai thuế TNDN theo mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC;
 - Trên tờ khai 03/TNDN đã có chỉ tiêu [C2] – “Thu nhập được miễn thuế”.



Nội dung 5: Hướng dẫn kê khai thuế đối với ưu đãi theo Nghị quyết 98/2023/QH15 – vướng mắc về mẫu biểu thuế

1. Hướng dẫn kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

- ▶ Vướng mắc thực tế:
 - Danh mục “loại thu nhập được miễn thuế” trên ứng dụng kê khai chưa có mục riêng cho:
 - “Thu nhập được miễn thuế theo Nghị quyết số 98/2023/QH15”.
- ▶ Hướng xử lý của cơ quan thuế:
 - Cục Thuế xác nhận đây là trường hợp miễn thuế đặc thù;
 - Sẽ cập nhật, bổ sung loại thu nhập được miễn thuế theo **Nghị quyết 98/2023/QH15** vào danh mục kê khai, nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế trong quá trình thực hiện.

2. Vướng mắc về kê khai thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với chuyển nhượng vốn

- ▶ Đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại TP. Hồ Chí Minh, **Nghị quyết 98/2023/QH15** quy định được miễn thuế TNCN.
- ▶ Tuy nhiên, theo Công văn 5615:
 - Hiện nay, cá nhân chuyển nhượng vốn vẫn phải kê khai theo các mẫu tờ khai TNCN ban hành kèm **Thông tư 80/2021/TT-BTC**;
 - Các mẫu tờ khai này chưa có chỉ tiêu riêng để khai khoản thu nhập TNCN được miễn thuế theo **Nghị quyết 98/2023/QH15**.



Nội dung 5: Hướng dẫn kê khai thuế đối với ưu đãi theo Nghị quyết 98/2023/QH15 – vướng mắc về mẫu biểu thuế

2. Vướng mắc về kê khai thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với chuyển nhượng vốn

Nguyên nhân:

- **Nghị quyết 98/2023/QH15** được ban hành sau thời điểm Thông tư 80/2021/TT-BTC;
- Do đó, hệ thống mẫu biểu hiện hành chưa kịp cập nhật chính sách miễn thuế mới.



Hướng xử lý trong thời gian tới:

- Cục Thuế ghi nhận vướng mắc và cho biết:
- Sẽ bổ sung chỉ tiêu kê khai thu nhập TNCN được miễn thuế khi xây dựng Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thuế (sửa đổi);
- Dự kiến thực hiện khi Luật Quản lý thuế sửa đổi được thông qua vào tháng 12/2025.




Nội dung 5: Hướng dẫn kê khai thuế đối với ưu đãi theo Nghị quyết 98/2023/QH15 – vướng mắc về mẫu biểu thuế

3. Lưu ý quan trọng cho doanh nghiệp và cá nhân tại TP. Hồ Chí Minh

Từ nội dung **Công văn 5615**, người nộp thuế cần lưu ý:

- ▶▶ Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:
 - Vẫn phải thực hiện kê khai thuế đầy đủ, dù thuộc diện miễn thuế;
 - Theo dõi cập nhật hệ thống kê khai để lựa chọn đúng loại thu nhập miễn thuế khi danh mục được bổ sung.
- ▶▶ Cá nhân chuyển nhượng vốn:
 - Tiếp tục kê khai theo mẫu hiện hành;
 - Chuẩn bị hồ sơ chứng minh thuộc đối tượng được miễn thuế theo Nghị quyết 98 để làm căn cứ khi cơ quan thuế hướng dẫn chi tiết hơn.



Cơ quan thuế không phủ nhận ưu đãi, mà đang trong quá trình hoàn thiện kỹ thuật kê khai để phù hợp với chính sách đặc thù mới.

CCăn cứ pháp lý: Công văn số 5615/CT-CS ngày 28/11/2025 của Cục Thuế về mẫu tờ khai liên quan đến thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT TÍN

THÔNG TIN LIÊN HỆ



Lầu 7, Tòa nhà ACB Tower, số 444A-446 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Nhiêu Lộc, TP.HCM



028 3990 6959

Di động: 0906 893 984 - Mr Võ Văn Vân – Tổng Giám đốc
037 5253680 - Ms. Thanh - Pháp chế



vanvv@vtac.com.vn



www.vtac.com.vn

